TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐƠN DƯƠNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28**/2019/DS-ST
Ngày: 21-11-2019
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Luyện Thanh Sơn**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Đinh Hữu Luynh**
2. Bà **Kơ Ria Trâm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ninh Khắc Phong** - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Bà **Phan Thị Lành** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019, về việc: "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1961;
Địa chỉ: thôn L, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn*: Bà **Võ Thị C**, sinh năm: 1977;
Địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà H có mặt; bà C vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/9/2019, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 04/11/2019 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Vào ngày 02/12/2017, bà có cho bà Võ Thị C vay số tiền 150.000.000đ, khi vay tiền bà C có viết sẵn giấy mượn tiền rồi mang đến giao cho bà giữ. Trong giấy giấy mượn tiền đề ngày 02/12/2017 có ghi tên và chữ ký của ông Võ Huy T nhưng thực tế bà và bà C trực tiếp thỏa thuận với nhau, bà cũng giao tiền cho một mình bà C. Thời hạn vay là 02 tháng nhưng bà C không trả tiền theo như thỏa thuận nên bà đã

khiếu nại đến UBND xã L, huyện Đ. Sau khi UBND xã L hòa giải ngày 04/5/2018 thì bà C có trả được 40.000.000đ, còn nợ lại 110.000.000đ. Nay bà yêu cầu bà Võ Thị C phải trả số tiền gốc 110.000.000đ còn nợ, ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 17/10/2019, bị đơn bà Võ Thị C trình bày: Vào ngày 02/12/2017, bà có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 150.000.000đ, khi vay tiền bà có viết sẵn giấy mượn tiền tại nhà bà rồi mang đến giao cho bà H giữ. Trong giấy vay tiền có ghi tên và chữ ký của chồng bà (ông Võ Huy T) nhưng thực tế ông T không biết việc vay mượn tiền, không sử dụng khoản tiền đã vay này, bà chính là người ký và ghi họ tên Võ Huy T trong giấy mượn tiền đề ngày 02/12/2017, thời hạn vay là 02 tháng, bà đã nhận đủ tiền vay nhưng do làm ăn thất bại nên không trả đủ tiền theo như thỏa thuận cho bà H. Bà H có khiếu nại đến UBND xã L nên bà đã trả cho bà H được 40.000.000đ, còn nợ lại 110.000.000đ và sau đó trả thêm vài lần tiền nữa nhưng không nhớ rõ. Nay đối với yêu cầu của bà H thì ý kiến của bà là còn nợ bao nhiêu tiền sẽ đồng ý trả cho bà H bấy nhiêu, ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn bà Võ Thị C vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị được vắng mặt. Ngoài ra, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình đó là buộc bị đơn bà Võ Thị C phải trả số tiền 110.000.000đ. Bị đơn bà Võ Thị C vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*" đối với bị đơn bà Võ Thị C.

Buộc bị đơn bà Võ Thị C có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền 110.000.000đ (*Một trăm mười triệu đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn bà H yêu cầu bị đơn bà C phải trả số tiền 110.000.000đ còn nợ xuất phát từ việc cho vay. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*". Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn L, xã L, huyện Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:*

Tại phiên tòa, bị đơn bà C vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về việc áp dụng pháp luật nội dung và nghĩa vụ giao nộp chứng cứ:

[2.1] *Về việc áp dụng pháp luật*: Vào ngày 02/12/2017, bà H cho bà C vay 150.000.000đ, thời hạn vay là 02 tháng, do bà C không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình nên phát sinh tranh chấp. Như vậy, tranh chấp giữa bà H với bà C là tranh chấp giữa các cá nhân phát sinh trong hoạt động giao dịch dân sự nên cần áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết nội dung vụ án.

[2.2] *Về nghĩa vụ giao nộp chứng cứ*: Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì: "*Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp*". Như vậy, việc cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp thì thuộc trách nhiệm của đương sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: *Xét yêu cầu của nguyên đơn bà H về việc buộc bị đơn bà C phải trả số tiền 110.000.000đ còn nợ thì Hội đồng xét xử thấy rằng:*

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có cơ sở, nguyên đơn bà H đã xuất trình cho Tòa án bản chính Giấy mượn tiền đề ngày 02/12/2017 (*bút lục số 23*), thể hiện nội dung: "*Hôm nay ngày 02/12/2017 vợ chồng Võ Thị C và Võ Huy T có mượn của cô Nguyễn Thị H 150.000.000đ, hẹn 02 tháng trả. Có gì sai trái xin chịu trách nhiệm trước pháp luật*".

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/10/2019 (*bút lục 21*) bà C cũng xác nhận chữ ký trong giấy mượn tiền này là của bà ký và bà đã nhận đủ số tiền 150.000.000đ từ bà H. Mặc dù, trong giấy vay tiền có ghi tên và chữ ký của chồng bà (ông Võ Huy T) nhưng thực tế ông T không biết việc vay mượn tiền, không sử dụng khoản tiền đã vay, bà chính là người ký và ghi họ tên Võ Huy T trong giấy mượn tiền này nên ông T không có nghĩa vụ trả tiền cho bà H.

Đến ngày 04/11/2019, bà H xác nhận việc cho vay số tiền 150.000.000đ thì chỉ có bà với bà C chứ không liên quan đến ông T. Vì vậy, bà H đã thay đổi yêu

cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu một mình bà C có nghĩa vụ trả số tiền 110.000.000đ còn nợ cho bà.

Bà C cho rằng ngoài khoản tiền 40.000.000đ đã trả thì bà còn trả cho bà H vài lần tiền nhưng không nhớ rõ là bao nhiêu. Tuy nhiên, bà C không giao nộp chứng cứ nào chứng minh cho lời khai này, ngoài ra nguyên đơn bà H không thừa nhận việc này mà bà H cho rằng mới nhận được tổng cộng số tiền 40.000.000đ do bà C trả. Vì vậy, có căn cứ nhận thấy ngày 02/12/2017, bà C đã vay của bà H số tiền 150.000.000đ, thời hạn vay 02 tháng, nhưng chỉ trả được 40.000.000đ, do đó bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền mà các bên đã thỏa thuận.

Từ những phân tích, đánh giá, nhận định nêu trên, căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H, buộc bị đơn bà C có nghĩa vụ thanh toán cho bà H số tiền 110.000.000đ (*Một trăm mười triệu đồng*) là phù hợp với quy định tại các Điều 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn bà Võ Thị C phải chịu 5.500.000đ (110.000.000đ x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 và các Điều 146, 147, 205, 220; 227, 228, 262, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 280, Điều 357 và các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện*"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"*của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn bà Võ Thị C.

Buộc bà Võ Thị C có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền 110.000.000đ (*Một trăm mười triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. *Về án phí*: Buộc bà Võ Thị C phải chịu 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà H 2.750.000đ (*Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015957 ngày 01/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

3. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự .

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Luyện Thanh Sơn